「사이버보안법」

□ 개 요

베트남의 사이버보안법 제24/2018/QH14호는 2018년 6월 12일 제정되었으며, 2019년 1월 1일부터 시행되었다. 이 법은 총 7장 43개조로 이루어져 있으며, 사이버공간상에서의 국가보안 보호 및 사회질서·안전의 보장 활동, 관련 개인·기관·단체의 책임에 관하여 규정하고 있다. 특히 사이버공간상에서 서비스를 제공하는 민간기업이 사이버보안 관련 사고에 신속하게 대처하는 방안을 마련하고 보안기술을 적용하며 사이버보안의 이용 및 예방조치 관련 내용을 정부 관계부처에 보고해야 하는 등의 기업에 의무를 부과하는 조항이 포함되어 있다는 특징이 있다.

□ 목 차

원문	번역문
Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	제1장 총칙
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	제1조 적용 범위
Điều 2. Giải thích từ ngữ	제2조 정의
Điều 3. Chính sách của Nhà nước về an ninh mạng	제3조 사이버보안에 관한 국가의 정책
Điều 4. Nguyên tắc bảo vệ an ninh mạng	제4조 사이버보안 보호원칙

Điều 5. Biện pháp bảo vệ an ninh mạng	제5조 사이버보안 보호조치
Điều 6. Bảo vệ không gian mạng quốc gia	제6조 국가 사이버공간의 보호
Điều 7. Hợp tác quốc tế về an ninh mạng	제7조 사이버보안에 관한 국제협력
Điều 8. Các hành vi bị nghiêm cấm về an ninh mạng	제8조 사이버보안에 관하여 엄격히 금지되는 행위
Điều 9. Xử lý vi phạm pháp luật về an ninh mạng	제9조 사이버보안에 관한 법률위반의 처리
Chương II BẢO VỆ AN NINH MẠNG ĐỐI VỚI HỆ THỐNG THÔNG TIN QUAN TRỌNG VỀ AN NINH QUỐC GIA	**제2장 국가보안 관련 주요 정보시스템에 대한 사이버보안의 보호**
Điều 10. Hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia	제10조 국가보안 관련 주요 정보시스템
Điều 11. Thẩm định an ninh mạng đối với hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia	제11조 국가보안 관련 주요 정보시스템에 대한 사이버보안 심의
Điều 12. Đánh giá điều kiện an ninh mạng đối với hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia	제12조 국가보안 관련 주요 정보시스템에 대한 사이버보안 조건의 평가
Điều 13. Kiểm tra an ninh mạng đối với hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia	제13조 국가보안 관련 주요 정보시스템에 대한 사이버보안 검사
Điều 14. Giám sát an ninh mạng đối với hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia	제14조 국가보안 관련 주요 정보시스템에 대한 사이버보안 감찰
Điều 15. Ứng phó, khắc phục sự cố an ninh mạng đối với hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia	제15조 국가보안 관련 주요 정보시스템에 대한 사이버보안 사고의 대처, 극복
Chương III PHÒNG NGỪA, XỬ LÝ HÀNH VI XÂM PHẠM AN NINH MẠNG	**제3장 사이버보안 침해 행위의 방지, 처리**

Điều 16. Phòng ngừa, xử lý thông tin trên không gian mạng có nội dung tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; kích động gây bạo loạn, phá rối an ninh, gây rối trật tự công cộng; làm nhục, vu khống; xâm phạm trật tự quản lý kinh tế	제16조 베트남 사회주의공화국에 반대하고 폭동 유발·보안 방해·공공질서 파괴를 자극하며 모욕·비방 및 경제관리질서를 침해하는 선전내용이 있는 사이버공간상의 정보 방지, 처리
Điều 17. Phòng, chống gián điệp mạng; bảo vệ thông tin thuộc bí mật nhà nước, bí mật công tác, bí mật kinh doanh, bí mật cá nhân, bí mật gia đình và đời sống riêng tư trên không gian mạng	제17조 사이버공작의 방지·예방, 사이버공간상의 국가기밀·업무상 비밀·영업비밀·개인비밀·가족비밀 및 사생활에 속하는 정보의 보호
Điều 18. Phòng, chống hành vi sử dụng không gian mạng, công nghệ thông tin, phương tiện điện tử để vi phạm pháp luật về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội	제18조 국가보안, 사회질서·안전에 관한 법률을 위반할 목적으로 사이버공간, 정보기술, 전자적 방식을 이용하는 행위의 방지, 예방
Điều 19. Phòng, chống tấn công mạng	제19조 사이버공격의 방지, 예방
Điều 20. Phòng, chống khủng bố mạng	제20조 사이버테러의 방지, 예방
Điều 21. Phòng ngừa, xử lý tình huống nguy hiểm về an ninh mạng	제21조 사이버보안에 관한 위기상황의 방지, 처리
Điều 22. Đấu tranh bảo vệ an ninh mạng	제22조 사이버보안의 보호를 위한 전쟁
Chương IV HOẠT ĐỘNG BẢO VỆ AN NINH MẠNG	**제4장 사이버보안 보호활동**
Điều 23. Triển khai hoạt động bảo vệ an ninh mạng trong cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị ở trung ương và địa phương	제23조 국가기관, 중앙 및 지방 정치조직의 사이버보안 보호활동 전개
Điều 24. Kiểm tra an ninh mạng đối với hệ thống thông tin của cơ quan, tổ chức không thuộc Danh	제24조 국가보안 관련 주요 정보시스템 목록에 속하지 않는 기관, 단체의 정보시스템에 대한 사이버

mục hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia	보안 검사
Điều 25. Bảo vệ an ninh mạng đối với cơ sở hạ tầng không gian mạng quốc gia, cổng kết nối mạng quốc tế	제25조 국가의 사이버공간 기반시설, 국제 네트워크 게이트웨이에 대한 사이버보안 보호
Điều 26. Bảo đảm an ninh thông tin trên không gian mạng	제26조 사이버공간상의 정보보안 보장
Điều 27. Nghiên cứu, phát triển an ninh mạng	제27조 사이버보안의 연구, 개발
Điều 28. Nâng cao năng lực tự chủ về an ninh mạng	제28조 사이버보안에 관한 자주적 능력 향상
Điều 29. Bảo vệ trẻ em trên không gian mạng	제29조 사이버공간상에서의 아동 보호
Chương V BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG BẢO VỆ AN NINH MẠNG	**제5장 사이버보안 보호활동의 보장**
Điều 30. Lực lượng bảo vệ an ninh mạng	제30조 사이버보안 보호세력
Điều 31. Bảo đảm nguồn nhân lực bảo vệ an ninh mạng	제31조 사이버보안 보호 인력자원의 확보
Điều 32. Tuyển chọn, đào tạo, phát triển lực lượng bảo vệ an ninh mạng	제32조 사이버보안 보호세력의 선발, 양성, 계발
Điều 33. Giáo dục, bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ an ninh mạng	제33조 사이버보안 지식·업무의 교육, 함양
Điều 34. Phổ biến kiến thức về an ninh mạng	제34조 사이버보안에 관한 지식의 보급
Điều 35. Kinh phí bảo vệ an ninh mạng	제35조 사이버보안 보호경비
Chương VI TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN	**제6장 개인, 기관, 단체의 책임**
Điều 36. Trách nhiệm của Bộ Công an	제36조 공안부의 책임
Điều 37. Trách nhiệm của Bộ Quốc phòng	제37조 국방부의 책임

Điều 38. Trách nhiệm của Bộ Thông tin và Truyền thông	제38조 정보통신부의 책임
Điều 39. Trách nhiệm của Ban Cơ yếu Chính phủ	제39조 정부 기밀정보관리부의 책임
Điều 40. Trách nhiệm của Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	제40조 부, 분과, 성급(省級) 인민위원회의 책임
Điều 41. Trách nhiệm của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trên không gian mạng	제41조 사이버공간상에서 서비스를 제공하는 기업의 책임
Điều 42. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng không gian mạng	제42조 사이버공간을 이용하는 개인, 기관, 단체의 책임
Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	**제7장 시행조항**
Điều 43. Hiệu lực thi hành	제43조 시행효력